

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN DÂN TỘC, DÂN CHỦ, DÂN QUYỀN VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thanh Tuấn^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: nguyenthanhluan14753@gmail.com

Nhận ngày 12 tháng 11 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 12 năm 2021.

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc, dân chủ, dân quyền thể hiện ở những nội dung, như quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của mỗi dân tộc, mỗi người; được thực hành bằng phương thức dân chủ và thể hiện sự thống nhất giữa quyền công dân và quyền con người. Ngày nay, cần đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân nhằm phát triển quốc gia phồn vinh, hạnh phúc, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân; tích cực, chủ động giải quyết những vấn đề dân chủ, dân quyền mới nảy sinh trong thực tiễn; xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp quyền trong hoạt động tư pháp và vận dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người trong phát triển kinh tế - xã hội.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, quyền dân tộc, dân chủ, dân quyền, Việt Nam.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc, dân chủ, dân quyền

Thứ nhất, Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc tự quyết và tư tưởng của cách mạng Mỹ, Pháp về quyền tự nhiên của mỗi người thành quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của mỗi dân tộc, mỗi người.

Quyền dân tộc tự quyết, theo Liên Hợp quốc, là tôn trọng nguyên tắc bình đẳng quyền, công bằng về cơ hội và không có sự can thiệp đối với quyền của mỗi dân tộc trong việc tự do lựa chọn chế độ chính trị và thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trên cơ sở chủ quyền quốc gia.

Nguyên tắc này được hình thành trên cơ sở quan điểm của Tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson (1856 - 1924) về quyền dân tộc của các quốc gia phụ thuộc - nửa phụ thuộc tại châu Âu (năm 1918) và của V.I.Lênin (1870 - 1924) về quyền của các dân tộc thuộc địa trên thế giới (năm 1920). Hiến chương Liên Hợp quốc năm 1945, điều 55 khẳng định: Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. Quan hệ giữa các dân tộc được xác định trong Hiến chương Liên Hợp quốc chính là quan hệ giữa các quốc gia độc lập, có chủ quyền. Trong đó, các

dân tộc đa số và thiểu số đều bình đẳng để cùng hợp thành một dân tộc - quốc gia. Như vậy, chỉ những dân tộc - quốc gia mới có quyền tự quyết định vận mệnh của mình¹. Quyền dân tộc tự quyết chỉ thuộc về nhân dân; tức người dân là chủ thể quyền (dân chủ, dân quyền). Đây là quan điểm phù hợp với Hiến chương, các văn kiện của Liên Hợp quốc và thực tiễn tại các quốc gia trên thế giới hiện nay.

Hồ Chí Minh thông qua Tuyên ngôn độc lập ngày 2 - 9 - 1945, đã kế thừa, phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về quyền dân tộc tự quyết và tư tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi con người trong các bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ (1776), *Tuyên ngôn nhân quyền, dân quyền* của cách mạng Pháp (1789) thành quyền độc lập, tự do, hạnh phúc của mọi người, mọi dân tộc.

Qua đó, Hồ Chí Minh đã mở rộng quyền dân tộc tự quyết gồm cả dân chủ, dân quyền (quyền công dân và quyền con người). Một điểm cần nhấn mạnh là phải đến năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR)² và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)³ mới gắn quyền dân tộc tự quyết với quyền con người. Khoản 1 Điều 1 của hai công ước này, đều xác định: Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

Vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin “trước tiên phải giành lấy

dân chủ” trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh sử dụng cả hai thuật ngữ nhân quyền (quyền con người) và quyền công dân, đồng thời gắn dân quyền với dân chủ. Bởi lẽ, dân chủ là quyền chính trị, cho nên giành lấy và bảo đảm quyền chính trị đồng thời sẽ thúc đẩy bảo đảm các quyền con người khác (dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa). Bảo đảm quyền dân tộc - quốc gia phải trên cơ sở bảo đảm dân chủ, dân quyền. Trong đó, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁴. Và, “dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”⁵.

Tư tưởng cốt lõi về dân chủ, dân quyền, quyền dân tộc - quốc gia của Hồ Chí Minh là: Độc lập - tự do - hạnh phúc cho mỗi người, mỗi dân tộc và mọi người, mọi dân tộc. Theo Người, những nội dung cụ thể của quyền dân tộc Việt Nam gồm: (i) Bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của mỗi dân tộc; (ii) Độc lập dân tộc là cơ sở, điều kiện để thực hiện quyền bình đẳng dân tộc; (iii) Thực hiện bình đẳng dân tộc là yếu tố quyết định để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; (iv) Xây dựng thành

¹ Xem: Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (chủ biên) (2013), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, Khoa Quan hệ quốc tế, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

² International Covenant on Civil and Political Rights.

³ International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.64.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.4, tr.175.

công chủ nghĩa xã hội tạo lập sự bình đẳng giữa các dân tộc; (v) Các dân tộc coi nhau như anh em một nhà và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Đảng, Nhà nước là chủ thể chính trong việc xác lập và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc⁶; (vi) “Quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”⁷.

Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là điều kiện tiên quyết để bảo đảm dân chủ, dân quyền; không có độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, không thể bảo đảm dân chủ, dân quyền. Bảo đảm dân chủ, dân quyền trước hết và chủ yếu thuộc trách nhiệm của mỗi quốc gia. Trách nhiệm pháp lý này đã được Liên Hợp quốc quy định trong các điều ước quốc tế, nhất là các điều ước về quyền con người quốc tế. Mặt khác, chính Hiến chương Liên Hợp quốc cũng nhấn mạnh: Không quốc gia nào, kể cả Liên Hợp quốc, có quyền can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền quốc gia.

Thứ hai, theo Hồ Chí Minh, quyền dân tộc - quốc gia, dân chủ và dân quyền phải được thực hành bằng phương thức dân chủ.

Đối với Đảng: Hồ Chí Minh cho rằng, “chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là nhân dân làm chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào và ngành nào - đều

phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân”⁸. Đảng cầm quyền phải trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và phải gắn bó mật thiết với nhân dân; Đảng phải thực hành dân chủ trong Đảng, nhằm bảo đảm quyền là chủ (dân quyền) làm chủ (dân chủ) một cách thực tế cho mọi người dân trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với nhân dân: Nhân dân phải được tham gia vào “công việc nhà nước”, nhằm thực hiện quyền lực của mình. “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ”, cho nên “Đảng cầm quyền”, nhưng dân là chủ. “Mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”; “công việc đổi mới, xây dựng đất nước là trách nhiệm của dân”. Nhân dân tham gia vào công việc nhà nước theo nguyên tắc “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân... Chính phủ chỉ giúp kế hoạch cổ động”⁹.

Đối với Nhà nước: Xây dựng Nhà nước theo nguyên tắc “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”¹⁰ và “sửa sang thể đạo kinh dinh nhân quyền”¹¹. “Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”¹². Hồ Chí Minh yêu cầu Chính phủ phải làm gương, cán bộ tư pháp thực hiện nguyên tắc “phụng công, thủ pháp, chí

⁶ Xem: Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.13, tr.93-97.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.7, tr.41.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.13, tr.83-84.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.5, tr.81.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.1, tr.473.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.2, tr.502.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.4, tr.65.

công vô tư” và nếu không làm gương thì phải dùng pháp luật để trị, đặc biệt đối với những kẻ hối lộ, tham nhũng, để bảo đảm tính nghiêm minh, “không trừ một ai” trong thi hành pháp luật, nhằm phụng sự nhân dân.

Thứ ba, ở Hồ Chí Minh dân chủ, dân quyền thể hiện sự thống nhất giữa quyền công dân và quyền con người

Đối với Hồ Chí Minh, quyền dân chủ chính là quyền làm chủ, cả làm chủ tập thể và làm chủ bản thân. Dân quyền là quyền là chủ cả về con người và về công dân. Cho nên, quyền làm chủ, là chủ thể hiện mối quan hệ thống nhất giữa quyền công dân và nhân quyền, nhằm thực hiện quyền độc lập, tự do và mưu cầu hạnh phúc của mỗi người Việt Nam trên cơ sở bảo đảm quyền dân tộc - quốc gia Việt Nam.

Về chủ thể của quyền, ngoài công dân Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng chú ý đến những người không phải là công dân hoặc bị hạn chế quyền công dân như tù binh, hàng binh nước ngoài, người nước ngoài (Pháp kiều, Hoa kiều), Việt kiều, và phạm nhân - những người bị pháp luật hạn chế ít nhất một phần quyền công dân. Chẳng hạn, Người tặng áo cho hàng binh bị rét trong Chiến dịch biên giới (1950). Hay, đặt niềm tin về tính thiện trong tiềm thức sâu sa của những tù thường phạm. Đặc biệt, Hồ Chí Minh luôn yêu quý và đặt niềm tin vào các cháu nhi đồng, thiếu niên - những người chưa đủ tuổi được thụ hưởng và thực hiện quyền công dân.

Về nội dung của quyền, trong Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào (13 - 8 - 1945) do Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn có phân biệt nội dung dân quyền gồm: Quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền”¹³. Thông qua các bản Hiến pháp, như Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 2013, có thể thấy Hồ Chí Minh và Đảng ta phân chia nội dung dân chủ, dân quyền gồm: a/ Các quyền tự do dân chủ về chính trị; b/ Các quyền dân sự hay các quyền tự do cá nhân; c/ Các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; d/ Quyền của các nhóm yếu thế trong xã hội (phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật,...).

Đối với Hồ Chí Minh, dân chủ, dân quyền trước tiên và chủ yếu phải gắn với Hiến pháp, pháp luật. Bởi vì, dân chủ, dân quyền là một thể thống nhất như chính bản thân con người với tư cách là một chủ thể “tổng hòa các quan hệ xã hội”, vừa cụ thể với những nội dung hiện thực theo yêu cầu của cuộc sống thực tế, vừa là xu hướng với những khát vọng, hoài bão, lý tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc của con người. Cho nên, Người cũng coi trọng việc kế thừa, phát huy vai trò điều chỉnh của đạo đức, truyền thống văn hóa, nhất là hương ước, luật tục có tính tự quản của làng, bản, buôn, ấp. Vì thế, việc thực hành

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.560.

tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, dân quyền đã và sẽ là nền tảng và kim chỉ nam trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay.

2. Ý nghĩa đối với việc tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về quyền dân tộc, dân chủ, dân quyền ở Việt Nam ngày nay

Một là, “đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân”¹⁴ nhằm phát triển quốc gia phồn vinh, hạnh phúc.

Hiện nay, để có thể đề cao được vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của dân chủ, dân quyền cần phải thực hành, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, phải kết nối dân chủ, dân quyền với khâu lấy con người làm trung tâm và phát triển con người toàn diện. Thực tế cho thấy, *một mặt*, không thể lấy con người làm trung tâm hay lấy dân làm gốc nếu không bảo đảm được dân chủ, dân quyền như đã được thể chế trong Hiến pháp năm 2013. *Mặt khác*, nếu con người không thể chủ động, tích cực tham gia vào các công việc nhà nước và xã hội với tư cách người là chủ - làm chủ thì không thể thực hiện được mục tiêu phát triển con người toàn diện. Do đó, việc bảo đảm dân chủ, dân quyền phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân không thể tách rời khâu lấy con người làm trung tâm và phát triển con người toàn diện.

Việc thực hành, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện thể chế Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ là thực hành, phát huy dân chủ tập thể, quyền làm chủ tập thể, mà trước tiên và cơ bản phải là làm chủ bản thân. Vì thế trong phương hướng tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ chú trọng vào xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp quyền của bộ máy nhà nước, mà đồng thời cũng phải chú ý đúng mức đến việc xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp quyền của con người, của công dân với tính cách là các quan hệ nền tảng và có tính bình đẳng với thể chế pháp quyền của bộ máy nhà nước. Nếu không chú ý đồng thời xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế pháp quyền của công dân song hành với thể chế pháp quyền của bộ máy nhà nước như một chỉnh thể thống nhất và tương tác nhau trong thể chế chung của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì người dân và cả cán bộ, công chức, viên chức bộ máy Nhà nước có thể quan hệ với Nhà nước có khi không bằng thể chế pháp quyền, mà dễ sa vào quan hệ lệch lạc như tính “cộng đồng - tình nghĩa”, “cá nhân - cá thể” theo kiểu “lợi ích nhóm” và tính bao cấp. Như vậy, trong việc đẩy mạnh thực hành, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, phải coi trọng việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy thể chế pháp quyền có tính bình đẳng giữa con người, công dân và bộ máy nhà nước

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.51.

trong chính thể chế pháp quyền của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Việc đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm quyền làm chủ của nhân dân là nhằm “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”¹⁵. Thông qua đó, “xây dựng và phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển nhất của đất nước”¹⁶.

Quan trọng là nhờ đó, thể chế pháp quyền của Nhà nước xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện ở mục tiêu bảo đảm quyền lực của dân, do dân, vì dân, mà còn phải được thể chế hóa thành công cụ để đạt được mục tiêu đó một cách hiệu lực, hiệu quả trong thực tế. Bởi lẽ, trong điều kiện tồn tại nhiều thành phần, khu vực kinh tế và phân hóa giàu nghèo, phân hóa xã hội theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế như hiện nay, một chủ trương, chính sách phát triển kinh tế cụ thể chỉ có thể nhắm đúng vào một thành phần, khu vực kinh tế nhất định, mà rất khó cùng một lúc bao phủ được toàn bộ các thành phần, khu vực kinh tế. Do đó, mỗi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế chỉ có thể được lựa chọn, xác định chính xác và triển khai, thực hiện một cách hiệu lực, hiệu quả trên thực tế khi: a/ Xuất phát và

nhắm đúng thành phần, khu vực kinh tế cần được thụ hưởng quyền lợi khi xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách đó; b/ Phân rõ chủ thể được bảo đảm quyền lợi và chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền lợi đó; c/ Lôi cuốn và huy động được sự tham gia chủ động, tích cực, đồng đảo của người dân vào việc thực hiện chủ trương, chính sách đó; d/ Bảo đảm sự công khai, minh bạch trong triển khai, thực hiện.

Đây chính là các tiêu chí của cách tiếp cận dựa trên quyền con người và cũng là công cụ cần phải có trong thực hành, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân và cả trong “nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”¹⁷. Như vậy, thực hành, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời cũng nắm bắt, điều tiết được những thách thức mới đang đặt ra ngày càng lớn hơn khi vấn đề quyền con người được đề cập trực tiếp ngày càng nhiều hơn, bức xúc hơn, thay vì chỉ được giới hạn trong quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, đặc biệt trong các vụ khiếu kiện, điểm nóng.

Hai là, tích cực, chủ động giải quyết những vấn đề dân chủ, dân quyền mới nảy sinh trong thực tiễn.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.110.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.116.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.177.

Giải quyết vấn đề bảo vệ an ninh con người gắn với “thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”¹⁸.

Giải quyết vấn đề bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng: Tăng cường thực hiện *Luật người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*, có hiệu lực từ 1/7/2007 và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 và *Bộ luật Lao động* năm 2019, nhằm “hỗ trợ để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội nước sở tại. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh”¹⁹. Qua đó, thực hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, góp phần nâng cao vị thế chính trị, uy tín của Nhà nước ta đối với thế giới cũng như trong con mắt Việt Nam ở nước ngoài. Và, khuyến khích, động viên ngày càng nhiều sự đóng góp của đồng bào ở xa Tổ quốc vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về quyền khởi nghiệp, đặc biệt của thanh niên. Bởi vì, đối với thanh niên, khởi nghiệp là nhu cầu đồng thời là một quyền không chỉ đơn thuần nhằm thực hiện sinh kế kiếm sống, mà sâu sa là đáp ứng nhu cầu sáng tạo, khẳng định bản thân. Quyền khởi nghiệp là kết quả và là sự biểu hiện tích cực nhất quyền làm chủ

của nhân dân. Đặc điểm khởi nghiệp của thanh niên là ý tưởng kinh doanh có tính mới, tính sáng tạo, có khả năng mở rộng và có tốc độ tăng trưởng cao nhưng cũng có tính rủi ro, mạo hiểm, không chắc chắn. Do vậy, chủ thể có trách nhiệm thúc đẩy bảo đảm quyền khởi nghiệp của thanh niên không chỉ là Nhà nước, mà gồm cả các cá nhân, gia đình, cộng đồng, tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp,... trong nước và tổ chức quốc tế. Việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền khởi nghiệp, đặc biệt của thanh niên, là nhằm góp phần tích cực, chủ động giải quyết có hiệu quả những vấn đề hệ trọng của đất nước vì sự phát triển phồn vinh, hạnh phúc của người dân.

Ba là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp quyền trong hoạt động tư pháp nhằm thúc đẩy bảo đảm dân chủ, dân quyền.

Qua đó thực hiện công khai, minh bạch nghĩa vụ bảo đảm công lý, quyền con người, quyền công dân như văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định là: “Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân”²⁰ và đấu tranh có hiệu quả với mọi loại tội phạm, vi phạm nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh xã hội và an ninh quốc gia.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđđ.*, t.I, tr.47-48.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđđ.*, t.I, tr.171.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđđ.*, t.I, tr.177.

Bốn là, vận dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người trong các văn bản pháp lý (chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án,...) về phát triển kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy bảo đảm dân chủ, dân quyền.

Trong giai đoạn 2021 - 2030, cần phải vận dụng cách tiếp cận này vào chương trình, dự án ở các cấp, từ trung ương đến cơ sở, trước hết là 3 chương trình trọng điểm quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội: “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025”, “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” và “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”²¹.

Các bộ, ngành tham gia thực hiện 3 chương trình nêu trên cần tiến hành lồng ghép các tiểu chương trình (hay đề án, dự án,...) thành phần trong mỗi chương trình để địa phương, cơ sở dễ dàng thực hiện thống nhất mà không gây khó khăn cho họ do sự chỉ đạo, hướng dẫn khác nhau, chồng chéo nhau của mỗi bộ, ngành chủ quản đối với từng thành phần của Chương trình.

Việc vận dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người là cách thức hiệu quả cho việc lồng ghép các tiểu chương trình thành phần nói riêng và cho tổng thể mỗi chương trình nói chung. Tiêu chí của cách tiếp cận này gồm: (i) xuất phát và hướng đích đến quan hệ giữa “Lấy con người làm trung tâm, bảo đảm quyền con người và phát triển con người toàn diện; (ii) Phân biệt rõ

chủ thể quyền và chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền trong mỗi tiểu chương trình thành phần và cả chương trình; (iii) Trao quyền tham gia cho các chủ thể quyền theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử; tức là họ phải hiểu, đồng thuận và chủ động, tích cực tham gia trong quá trình triển khai, thực hiện mỗi tiểu chương trình thành phần và cả chương trình; (iv) Pháp quyền: Tuân thủ, xuất phát và vận dụng thích hợp pháp luật quốc tế và Việt Nam về quyền con người; (v) Trách nhiệm giải trình khúc triết, tường minh trong quá trình triển khai, thực hiện mỗi tiểu chương trình thành phần và cả chương trình gắn với trách nhiệm pháp lý, đạo đức của những người tham gia chương trình; (vi) Minh bạch: Mọi người đều được hiểu lý do và tán thành các quyết định liên quan đến họ khi tham gia mỗi tiểu chương trình thành phần và cả chương trình.

Cùng với hoặc trên cơ sở kết quả, hạn chế trong tích hợp cách tiếp cận dựa trên quyền con người vào ba chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tổng kết và có thể tiến hành xây dựng, triển khai, thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phát triển dựa trên quyền con người” hiện đã được thực hiện tại khoảng 60 quốc gia trên thế giới. □

²¹ *Đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025*, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=45587&idcm=188> (truy cập ngày 16/9/2021).